

Bản án số: 252/2018/DS-PT
Ngày: 15-10- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản và hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;
Ông Phạm Ngọc Giao.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 15/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT-DS ngày 09/02/2018 về Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hụi;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo và kháng Nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 247/2018/QĐ-PT ngày 28/8/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 222, đường H, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mậu là: Anh Thái Quang T sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 278, đường N, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2018).

- *Bị đơn*: Kim Thị H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Số nhà 348, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim Thị H là: Luật sư Cao Minh T – Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Lê Thanh N, sinh năm 1955;

2. Lê Kim K, sinh năm 1987;

3. Lê Kim Hoàng D, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Kim Hoàng D là: Anh Lê Kim K, sinh năm 1987 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2017).

Cùng địa chỉ: Số nhà 348, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Phạm Thị Thanh M, bà Kim Thị H và anh Lê Kim K là nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố S.

(Ông Lê Thanh N và anh Lê Kim K vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh M trình bày*:

Ngày 02/3/2015 bà có cho bà Kim Thị H vay số tiền 1.700.000.000đ. Khi vay có viết biên nhận, thỏa thuận lãi suất 15.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 1,5%/ngày), thời hạn vay 2-3 ngày, không thế chấp tài sản. Sau khi vay, bà H trả lãi đầy đủ, mỗi lần trả lãi bà H đều viết lại biên nhận vay mới và hủy biên nhận cũ. Đến ngày 05/6/2015 bà H có trả cho bà được 300.000.000đ vốn, không trả lãi và viết lại biên nhận mới ngày 05/6/2015 với số tiền vay là 1.400.000.000đ, thỏa thuận lãi 2,5%/ngày, hủy bỏ biên nhận trước.

Đến ngày 26/01/2017 bà H trả cho bà vốn 20.000.000đ, còn nợ lại 1.380.000.000đ và tiền lãi từ ngày 05/6/2015 đến nay.

Đối với việc bà H cho rằng đã trả cho bà vốn nhiều lần với số tiền 670.000.000đ và lãi 414.750.000đ là không có. Bà H trình bày có tham gia chơi hụi do bà làm chủ loại hụi 10.000.000đ khai ngày 30/5/2015, gồm 23 phần, bà H tham gia 02 phần (dây A-B), hốt hụi được số tiền 313.200.000đ bà không giao tiền cho bà H mà để trừ vào khoản vay 1.400.000.000đ là không đúng. Bà thừa nhận có rủ bà H tham gia chơi hụi 10.000.000đ như bà H trình bày. Bà có tính phỏng số tiền hốt được 313.200.000đ và viết giấy giao hụi đưa cho bà H, bà H cũng có ký tên vào sổ của bà. Sau đó, do bà H không có khả năng tham gia nên ngày 30/6/2015 khai hụi bà không có ghi tên bà H trong danh sách hụi.

Việc bà H cho rằng có trả tiền vốn cho bà nhiều lần và gửi trực tiếp cho ông Trần Văn L (tên gọi khác là T2) là người làm của bà. Ông L trước đây là tài xế lái xe cho bà, nhưng ông L đã nghỉ cách nay khoảng 4-5 năm, thỉnh thoảng ông L có ghé nhà bà chơi và bà không có nhận tiền của bà H trả thông qua ông L. Ngoài ra, bà cũng không có trừ 150.000.000 đồng trong số tiền 250.000.000 đồng mà ông Đoàn Thanh T vay của bà ngày 07/12/2015 để trả nợ cho bà H như bà H trình bày.

Vì vậy, bà yêu cầu bà H trả số tiền vốn vay là 1.380.000.000đ và lãi tính từ ngày 05/6/2015 đến ngày 05/12/2017 là 28 tháng, với mức lãi suất là 0,75%/tháng, cụ thể:

$$1.380.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 28 tháng = 289.800.000đ.$$

$$\text{Tổng cộng là: } 1.380.000.000đ + 289.800.000đ = 1.669.800.000đ.$$

Đối với việc bà H yêu cầu bà trả số tiền hụi vốn, lãi là 383.670.000đ bà không đồng ý. Vì ngày 30/5/2015 bà không có khai dây hụi nào và bà xác định bà H không có tham gia hụi do bà làm chủ.

- *Bị đơn bà Kim Thị H trình bày:*

Thừa nhận ngày 02/3/2015 bà có vay của bà Mậu số tiền 1.700.000.000đ, thỏa thuận lãi 2,5%/ngày (thực tế là 0,25%/ngày tức 7,5%/tháng), thời hạn vay 2-3 ngày, mục đích là để cho người khác vay đáo hạn ngân hàng, không thể chấp tài sản và có viết biên nhận.

Sau khi vay bà có trả lãi trực tiếp cho bà M nhiều lần, cụ thể:

+ Ngày 06/3/2015 trả 21.250.000đ;

+ Ngày 13/3/2015 trả 29.750.000đ;

+ Ngày 28/3/2015 trả 63.750.000đ;

Tổng cộng: 114.750.000đ.

Đến ngày 05/6/2015 bà trả cho bà Mậu 600.000.000đ, nhưng bà M trừ 300.000.000đ tiền vốn, còn lại 300.000.000đ trả lãi. Bà không đồng ý và yêu cầu trả vốn 600.000.000đ, lúc đó ông Q chồng bà M đánh và ép buộc bà trả vốn 300.000.000đ, trả lãi 300.000.000đ và viết lại biên nhận vào ngày 05/6/2015 với số tiền vay là 1.400.000.000đ.

Sau khi viết biên nhận ngày 05/6/2015 bà có trả vốn cho bà M nhiều lần cụ thể:

+ Ngày 21/6/2015 trả 100.000.000đ;

+ Ngày 16/7/2015 trả 50.000.000đ;

+ Ngày 26/10/2015 trả 50.000.000đ;

Tổng cộng: 200.000.000đ.

Ba lần trả này bà đưa tiền cho ông Trần Văn L (T2) (người làm của bà M) tại nhà trọ Tuấn Phương. Khi đưa tiền không có làm giấy tờ.

+ Ngày 07/12/2015 bà trả vốn 150.000.000đ thông qua việc thỏa thuận giữa ông T3, bà và bà M. Do trước đây ông Đoàn Thanh T3 nợ bà 220.000.000đ, nhưng ông T3 không có tiền trả nên bà giới thiệu ông T3 vay 250.000.000đ của bà M để trả bà 150.000.000đ và khi bà M giao tiền cho ông T3 thì bà M giao 100.000.000đ, giữ lại 150.000.000đ trừ vào khoản vay 1.700.000.000đ mà bà nợ bà M.

+ Ngày 26/01/2017 trả vốn 20.000.000đ (có biên nhận).

Như vậy, từ ngày 02/3/2015 bà vay số tiền 1.700.000.000đ và bà đã trả cho bà M vốn 670.000.000đ và lãi 414.750.000đ, còn nợ vốn 1.030.000.000đ.

Đối với số tiền 1.700.000.000đ bà vay của bà M, bà đã trả lãi cho bà M 414.750.000đ là vượt quá quy định pháp luật, nên bà yêu cầu điều chỉnh lãi và trừ vào số tiền vốn vay 1.030.000.000đ như sau:

Từ ngày 02/3/2015 đến ngày 05/6/2015 là 03 tháng 03 ngày.

+ Bà đã trả cho bà M mức lãi 7,5%/tháng với số tiền: $1.700.000.000đ \times 7,5\% \times 3 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 395.250.000đ$.

+ Tính theo lãi suất cơ bản 0,75%/tháng thì bà chỉ phải trả lãi cho bà M số tiền: $1.700.000.000đ \times 0,75\% \times 3 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 39.525.000đ$.

+ Bà đã trả lãi cho bà M vượt quá quy định của pháp luật là: $395.250.000đ - 39.525.000đ = 355.725.000đ$.

Như vậy, số tiền vốn vay bà còn nợ là: $1.030.000.000đ - 355.725.000đ = 674.275.000đ$.

Ngoài ra, bà có tham gia 02 dây hụi (dây A- dây B) do bà M làm chủ loại 10.000.000đ/tháng, khai ngày 30/5/2015 dl và kết thúc 30/3/2017, mỗi dây 23 phần. Bà tham gia mỗi dây 01 phần và bà hót hết 02 phần lần đầu tiên được số tiền 313.200.000đ nhưng bà M không giao tiền cho bà mà giữ lại để trừ vào số nợ vay 1.700.000.000đ.

Do bà M không đồng ý trừ vào số tiền vay nên bà yêu cầu bà M trả cho bà 313.200.000đ tiền hụi và lãi tính từ ngày 30/5/2015 đến ngày 30/11/2017 là 30 tháng, với mức lãi 0,75%/tháng được tính như sau:

$$313.200.000đ \times 0,75\% \times 30 \text{ tháng} = 70.470.000đ;$$

$$313.200.000đ + 70.470.000đ = 383.670.000đ;$$

Tổng cộng vốn, lãi 383.670.000đ.

Bà yêu cầu được trừ vào khoản nợ vay của bà Mậu là: $674.275.000đ - 383.670.000đ = 290.605.000đ$. Nên bà chỉ còn nợ bà M 290.605.000đ và bà đồng ý trả cho bà M số tiền này, không đồng ý trả lãi.

Trường hợp, Tòa án giải quyết không chấp nhận số tiền 150.000.000đ ông Đoàn Thanh T3 đã trừ nợ giữa bà với bà M thì bà cũng không có yêu cầu hay tranh chấp gì với ông T3 trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh N, anh Lê Kim K, chị Lê Kim Hoàng D trình bày:*

Ông N với bà H là vợ chồng kết hôn vào 1984, có đăng ký kết hôn, vợ chồng có 02 con chung tên Lê Kim K, sinh năm 1987 và Lê Kim Hoàng D, sinh năm 1991. Hiện các con đã trưởng thành.

Quá trình sống chung do vợ chồng bất đồng quan điểm nên ông N và bà H đã ly hôn theo Quyết định số 24/2008/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2008 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Ông N, anh K và chị D không biết việc bà H vay mượn tiền của bà M cũng như bà H vay để sử dụng mục đích gì.

Nay ông N, anh K và chị D không có ý kiến hay yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này. Việc tranh chấp giữa bà H với bà M tự giải quyết. Đối với Quyết định phong tỏa tài sản nhà và đất tại số 348, đường H ông N, anh K và chị D cũng không có ý kiến gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2018/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh M về việc yêu cầu bà Kim Thị H trả tiền nợ vay vốn và lãi là 1.669.800.000đ đồng (vốn 1.380.000.000đ, lãi 289.800.000đ).

Buộc bà Kim Thị H trả cho bà Phạm Thị Thanh M tiền nợ vay vốn và lãi là 1.456.055.000 đồng (vốn 1.180.000.000 đồng, lãi 276.055.000 đồng).

- Chấp nhận yêu cầu (phản tố) của bà Kim Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị Thanh M trả tiền hui vốn, lãi 383.670.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị Thanh M trả cho bà Kim Thị H số tiền nợ hui vốn và lãi 383.670.000 đồng (vốn 313.200.000 đồng, lãi 70.470.000 đồng).

Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/01/2018, bà Phạm Thị Thanh M làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2018/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Bà không đồng ý trả cho bà Kim Thị H tiền hui vốn, lãi là

383.670.000đ; Yêu cầu bà H trả cho bà vốn vay 1.380.000.000đ và lãi 289.800.000đ, tổng cộng là 1.669.800.000đ.

- Ngày 08/01/2018, bà Kim Thị H làm đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2018/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Bà không đồng ý trả cho bà Phạm Thị Thanh M số tiền vốn và lãi là 1.456.055.000đ. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật để trừ số lãi mà bà đã trả cho bà M vượt mức quy định 355.725.000đ và trừ thêm 02 lần tiền mà bà đã đưa cho ông L 150.000.000đ để trả cho bà M vào ngày 21/6/2015. Bà chỉ đồng ý trả cho bà Mậu 674.275.000đ và án phí tương ứng.

- Ngày 08/01/2018 anh Lê Kim K làm đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2018/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S để anh tiến hành các thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 348, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Ngày 08/01/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S có quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2018/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử điều chỉnh lãi suất của số tiền lãi mà bà Kim Thị H đã trả cho bà Phạm Thị Thanh M đối với khoản vay 1.700.000.000đ từ ngày 02/3/2015 đến ngày 05/6/2015 theo mức lãi suất quy định tại Điều 648 Bộ luật dân sự năm 2015, số tiền chênh lệch được trừ vào vốn vay mà bà H phải trả cho bà Mậu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như Thư ký phiên tòa và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh Mậu, không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Kim K, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Kim Thị H về phần yêu cầu điều chỉnh lãi suất và xác định lại án phí, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Thanh M kháng cáo cho rằng bà không có nhận số tiền 50.000.000 đồng mà bà Kim Thị H trả cho bà bằng cách đưa cho ông Trần Văn L (T2) nhận dùm vào ngày 26/10/2015, bà cũng không có trừ 150.000.000 đồng mà ông Đoàn Thanh T3 vay của bà để trả nợ cho bà H và bà cũng không đồng ý trả cho bà H tiền hui vốn, lãi là 383.670.000đ vì bà H không có tham gia chơi hui với bà. Bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền vốn vay 1.380.000.000đ và lãi 289.800.000đ, tổng cộng là 1.669.800.000đ.

- Xét số tiền 50.000.000 đồng bà H đưa cho ông L nhận dùm cho bà M ngày 26/10/2015 cho thấy: Mặc dù bà M không thừa nhận có nhận số tiền này và cho rằng ông L đã không còn làm việc cho bà từ năm 2013 – 2014. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2017 ông L khai anh đã nghỉ làm cho bà M cách nay khoảng hơn 10 năm, ông không biết bà H và cũng không có nhận tiền của bà H. Nhưng căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 11/12/2017 anh Phan Văn Bé B (Phó Công an Phường 1) xác nhận: *“khoảng năm 2015 – 2016 tôi trực cơ quan có xác nhận danh sách nhà nghỉ Tuấn Phương tại địa chỉ khóm 3, Phường 1, thành phố S do ông T2 trực tiếp đến trình sổ dùm bà M”*. Như vậy, năm 2015 ông L vẫn còn làm việc cho bà M và tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2017 ông Mai Văn K1 (là người chạy xe ôm) khai vào khoảng năm 2015 ông có chở bà H đến nhà trọ Tuấn Phương thấy bà H đưa tiền cho ông T2 khoảng 50.000.000 đồng. Còn bà H khai vào ngày 21/10/2015 bà có nhờ ông K1 chở bà đến nhà trọ Tuấn Phương để trả cho bà M 50.000.000 đồng và bà

đưa tiền cho ông L nhận từ bà M. Do đó, đã có đủ căn cứ để chứng minh bà H có trả cho bà M 50.000.000 đồng vào ngày 21/10/2015.

- Xét số tiền 150.000.000 đồng bà H trả cho bà M vào ngày 07/12/2015, bà M không thừa nhận có trừ 150.000.000 đồng trong số tiền 250.000.000 đồng mà ông Đoàn Thanh T3 vay của bà M để trả nợ cho bà H. Căn cứ vào “Tờ xác nhận” ngày 07/12/2015 và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/9/2017, ông T3 đã xác nhận bà M chỉ giao cho ông T3 100.000.000 đồng số còn lại 150.000.000 đồng bà M giữ lại để trừ vào tiền bà H thiếu nợ bà M. Việc xác nhận của ông T3 phù hợp với lời trình bày của bà H và chứng cứ khác như “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 07/12/2015 giữa ông Đoàn Thanh T3 với ông Đoàn Văn Q (Chồng bà M) với số tiền chuyển nhượng là 250.000.000 đồng, “Hợp đồng hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 06/01/2016 với nội dung là hủy bỏ “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 07/12/2015. Căn cứ vào lời khai ông T3 thì đây là cách thức mà ông T3 thế chấp quyền sử dụng đất để vay tiền của bà M. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để chứng minh bà H có trả cho bà M 150.000.000 đồng vào ngày 07/12/2015.

- Đối với tiền hui, mặc dù bà M trình bày là bà H không có tham gia chơi hui với bà M, nhưng bà H đã xuất trình được chứng cứ là giấy giao hui ngày 30/5/2015 do bà M viết cho bà H số tiền giao là 313.200.000 đồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định bà H có tham gia chơi hui do bà M làm chủ, nhưng bà M chưa giao cho bà H số tiền 313.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy kháng cáo của bà M không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bà Kim Thị H cho thấy: Bà H và bà M đều thừa nhận việc vay tiền giữa hai bên bắt đầu ngày 02/3/2015 với số tiền 1.700.000.000 đồng. Hợp đồng vay có làm biên nhận và mỗi khi trả tiền lãi thì hủy bỏ biên nhận cũ viết lại biên nhận mới. Đến ngày 05/6/2015, bà H có trả cho bà M được 300.000.000đ tiền vốn nên viết lại biên nhận mới vào ngày 05/6/2015 với số tiền 1.400.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận cho bà H vay với lãi suất 15.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương 45%/tháng). Còn bà H khai vay với lãi

suất 7,5%/tháng và đã đóng lãi đầy đủ cho bà M từ ngày 02/3/2015 đến ngày 05/6/2015, yêu cầu điều chỉnh lại lãi theo quy định của pháp luật.

- Xét thấy, mức lãi suất mà các đương sự khai là không thống nhất nhưng đều cao hơn so với mức quy định của pháp luật nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Bà M cho rằng trong quá trình vay bà H có trả lãi nhưng bà có bớt lãi cho bà H nhưng không có chứng cứ để chứng minh, nên chấp nhận bà H là có trả lãi cho bà M với lãi suất 7,5%/tháng từ ngày 02/3/2015 đến ngày 05/6/2015 với số tiền:

Từ ngày 02/3/2015 đến 05/6/2015 là 3,1 tháng.

$$1.700.000.000đ \times 7,5\% \times 3,1 \text{ tháng} = 395.250.000đ.$$

Do hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự phát sinh từ 02/3/2015 và các đương sự không thống nhất được mức lãi suất và có tranh chấp về lãi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 476 BLDS năm 2005 để điều chỉnh mức lãi suất là 0,75%/tháng. Do đó, số tiền lãi bà H phải trả cho bà M theo quy định của pháp luật là:

$$1.700.000.000đ \times 0,75\% \times 3,1 \text{ tháng} = 39.525.000đ.$$

Số tiền lãi bà H trả thừa so với quy định là:

$$395.250.000đ - 39.525.000đ = 355.725.000đ$$

Số tiền thừa được trừ vào vốn, nên số tiền vốn của bà M còn lại là:

$$1.700.000.000đ - 355.725.000đ - 300.000.000đ = 1.044.275.000đ.$$

Trong quá trình vay từ ngày 05/6/2015 đến nay bà H có trả tiền vốn cho bà M được như đã xác định là ngày 26/10/2015 trả 50.000.000 đồng, ngày 07/12/2015 trả 150.000.000 đồng và ngày 26/01/2017 trả 20.000.000 đồng.

Bà H khai trong thời gian này bà M đồng ý không tính lãi, nhưng bà M không thừa nhận và bà H cũng không có gì để chứng minh nên bà H phải có nghĩa vụ trả lãi theo yêu cầu của bà M với mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 05/6/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/12/2017 tương ứng với số tiền vốn theo từng thời điểm mà bà H trả vốn cho bà M nêu trên, cụ thể là:

+ Từ ngày 05/6/2015 đến 26/10/2015 là 4,6 tháng.

$$1.044.275.000đ \times 0,75\% \times 4,6 \text{ tháng} = 36.027.487đ.$$

+ Từ ngày 26/10/2015 đến 07/12/2015 là 1,3 tháng.

$$1.044.275.000đ - 50.000.000đ = 994.275.000đ.$$

$$994.275.000đ \times 0,75\% \times 1,3 \text{ tháng} = 9.694.181đ.$$

+ Từ ngày 07/12/2015 đến 26/01/2017 là 13,6 tháng.

$$994.275.000đ - 150.000.000đ = 844.275.000đ.$$

$$844.275.000đ \times 0,75\% \times 13,6 \text{ tháng} = 86.116.050đ.$$

+ Từ ngày 26/01/2017 đến 26/12/2017 là 11 tháng.

$$844.275.000đ - 20.000.000đ = 824.275.000đ.$$

$$824.275.000đ \times 0,75\% \times 11 \text{ tháng} = 68.002.687đ.$$

$$36.027.487đ + 9.694.181đ + 86.116.050đ + 68.002.687đ = 199.840.000đ.$$

$$\text{Tổng cộng vốn, lãi là: } 824.275.000đ + 199.840.000đ = 1.024.115.000đ.$$

- Đối với số tiền hui, căn cứ vào giấy giao hui ngày 30/5/2015 do bà M viết giao cho bà H, thì bà M phải giao cho bà H 313.000.000 đồng, nhưng bà M chưa giao nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M trả cho bà H vốn 313.200.000 đồng và lãi 70.470.000 đồng, tổng cộng 383.670.000 đồng là có căn cứ như đã phân tích ở trên. Bà H yêu cầu được trừ vào số tiền vay của bà M là phù hợp. Do đó, số tiền mà bà H còn nợ bà M là:

$$1.024.115.000đ - 383.670.000đ = 640.445.000đ.$$

- Xét số tiền bà H cho rằng có đưa cho ông L 100.000.000 đồng vào ngày 21/6/2015 và 50.000.000 đồng ngày 16/7/2015 để trả cho bà M, nhưng ông L, bà M không thừa nhận và bà cũng không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

Vì vậy, kháng cáo của bà H được chấp nhận một phần về việc yêu cầu điều chỉnh lại tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của anh Lê Kim K yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời để anh được tiếp tục thực hiện “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 25/8/2017, thấy rằng: Bà H là người có nghĩa vụ trả nợ nhưng lại làm thủ tục tặng cho anh tài sản của bà H là có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài sản để đảm bảo thi hành án là phù hợp với quy định tại Điều 111 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của anh không được chấp nhận.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, đề nghị điều chỉnh lại lãi suất mà bà H đã nộp, xét thấy: Như đã phân tích ở trên do mức lãi suất mà các đương sự thỏa thuận vay với nhau cũng như số tiền lãi mà bà H trả cho bà M là cao hơn so với mức quy định của pháp luật nên phải điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S.

Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H và vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà H và kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố S, sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M và anh K. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà H và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố S, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 91, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh M và anh Lê Kim K.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Kim Thị H.
3. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố S.
4. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 71/2017/DS-ST ngày 26/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh M và một phần yêu cầu của bà Kim Thị H.

- Buộc bà Kim Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Thanh M số tiền 640.445.000 (Sáu trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí:

+ Bà Phạm Thị Thanh M chịu 42.880.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 32.460.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 13903 ngày 28/8/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 01349 ngày 05/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Bà M còn phải nộp tiếp 10.420.000 đồng.

+ Bà Kim Thị H chịu 29.617.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào 9.415.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 01040 ngày 28/9/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 01357 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S. Bà H còn phải nộp tiếp 19.902.800 đồng.

+ Anh Lê Kim K chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 01358 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

- Về chi phí định giá tài sản:

Bà Phạm Thị Thanh M chịu 6.300.000 đồng (bà M đã nộp tạm ứng và chi xong 400.000 đồng). Bà M còn phải nộp 5.900.000 đồng để hoàn trả cho bà Kim Thị H, vì bà H đã tạm ứng và đã chi xong.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh DT;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sỹ Danh Đạt